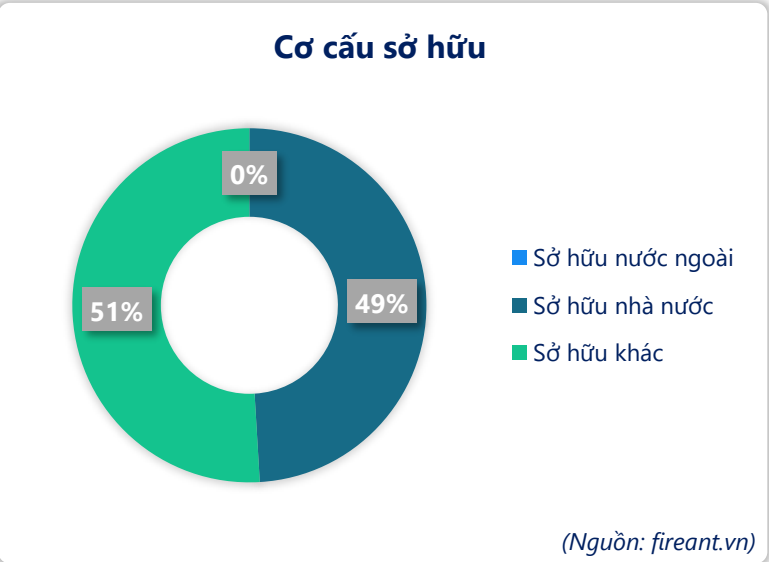
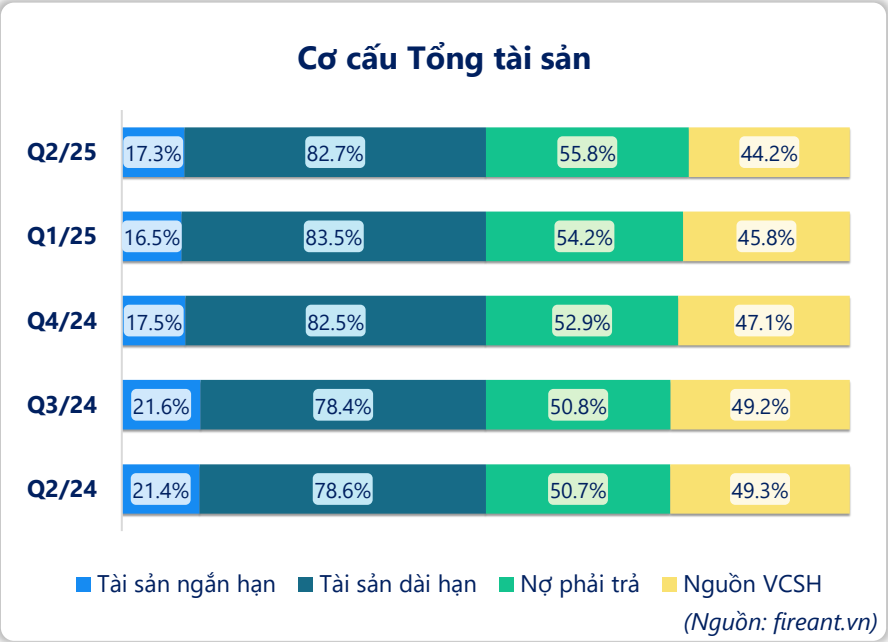
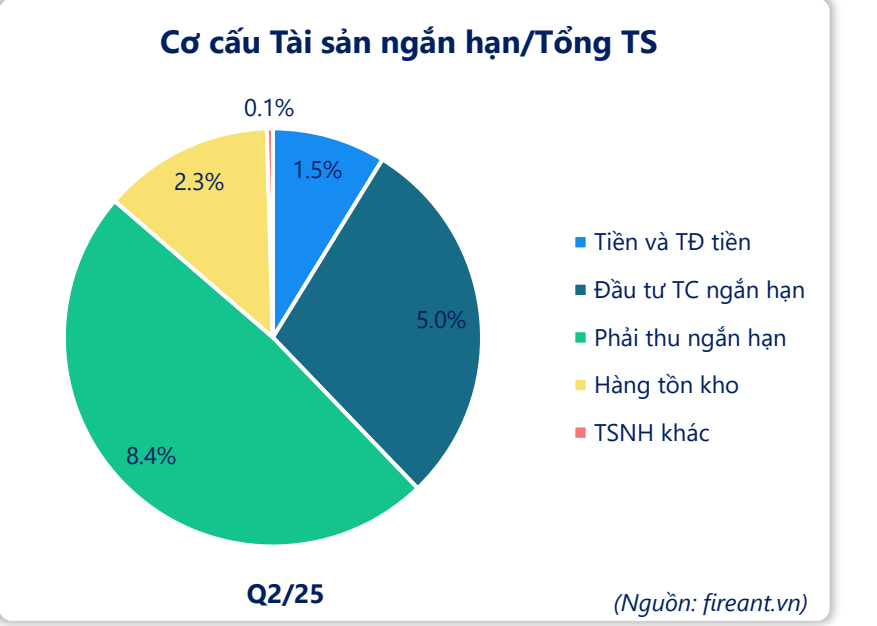
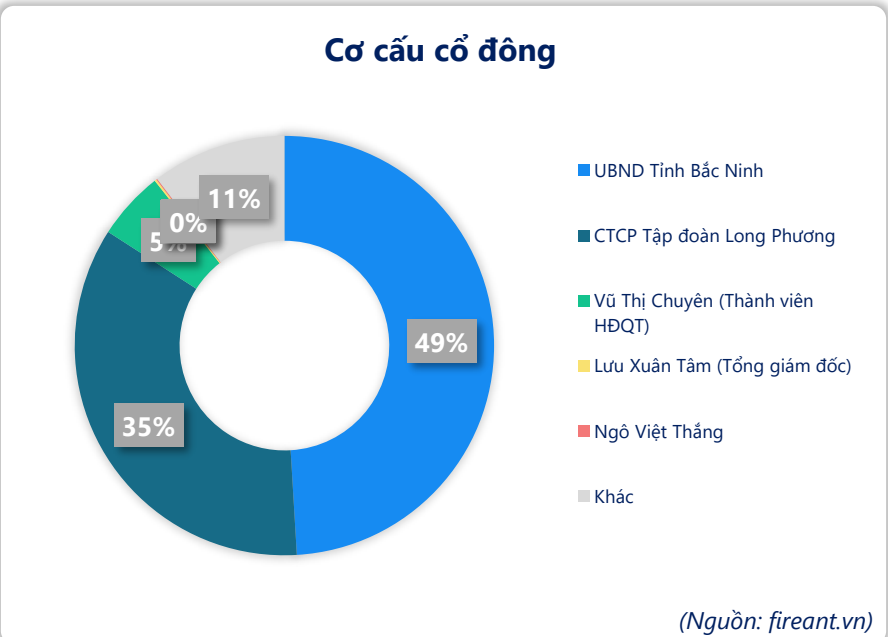
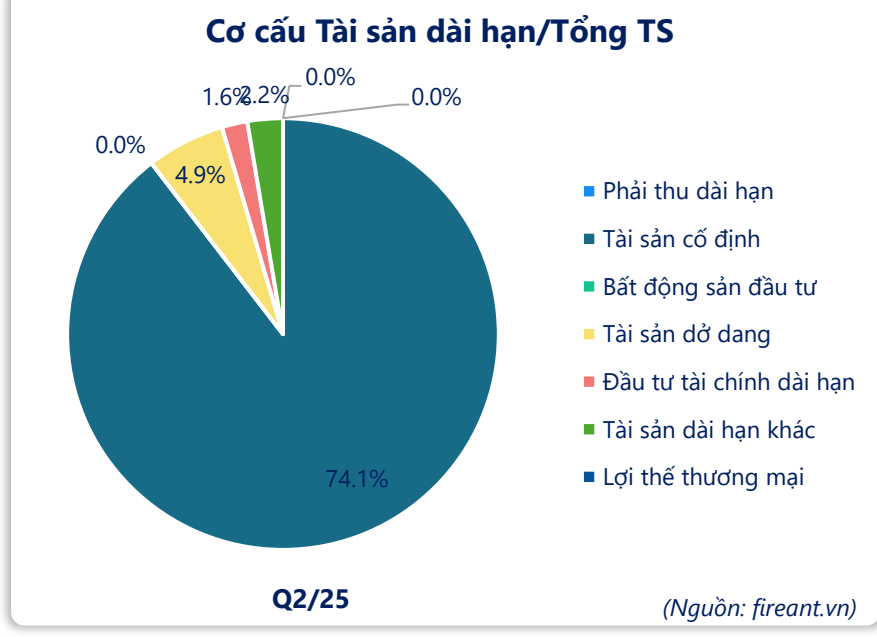
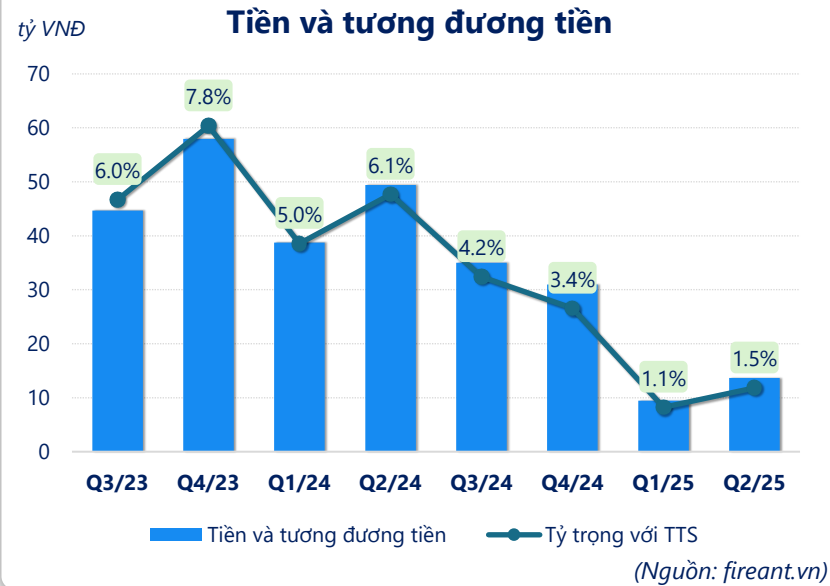
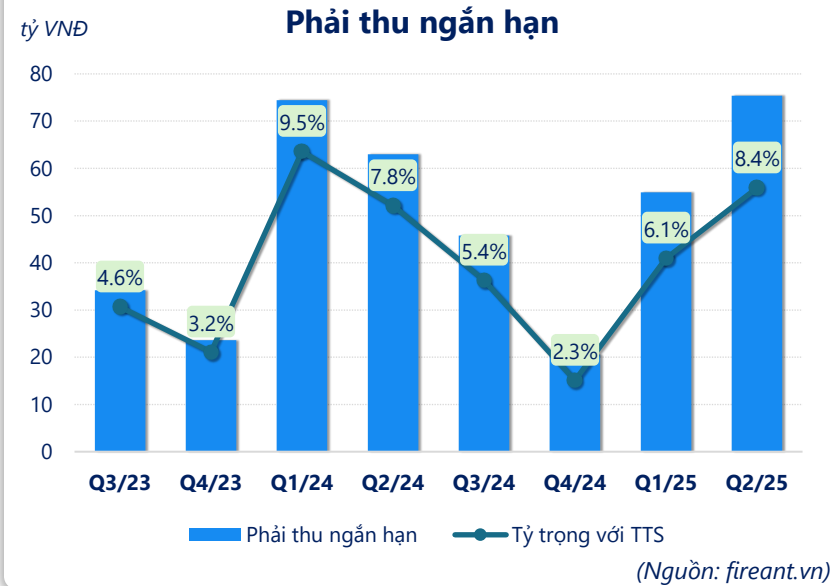
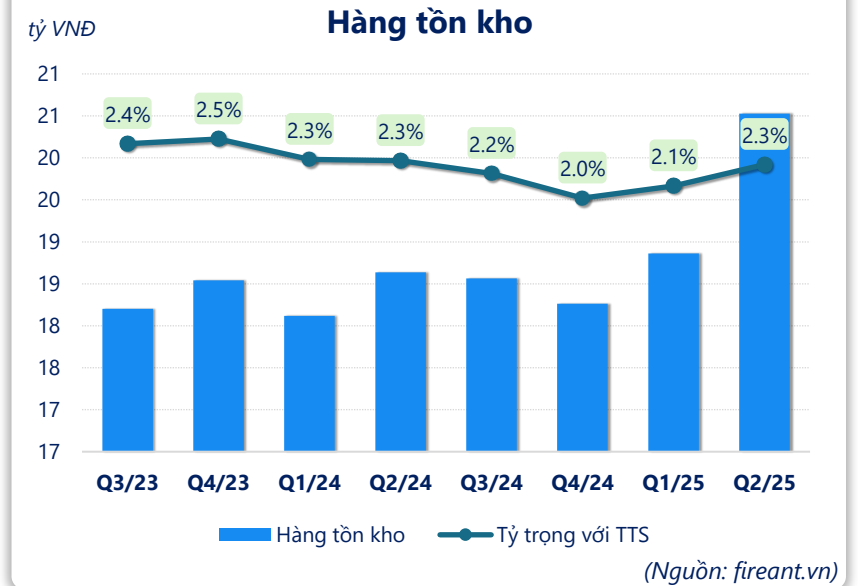
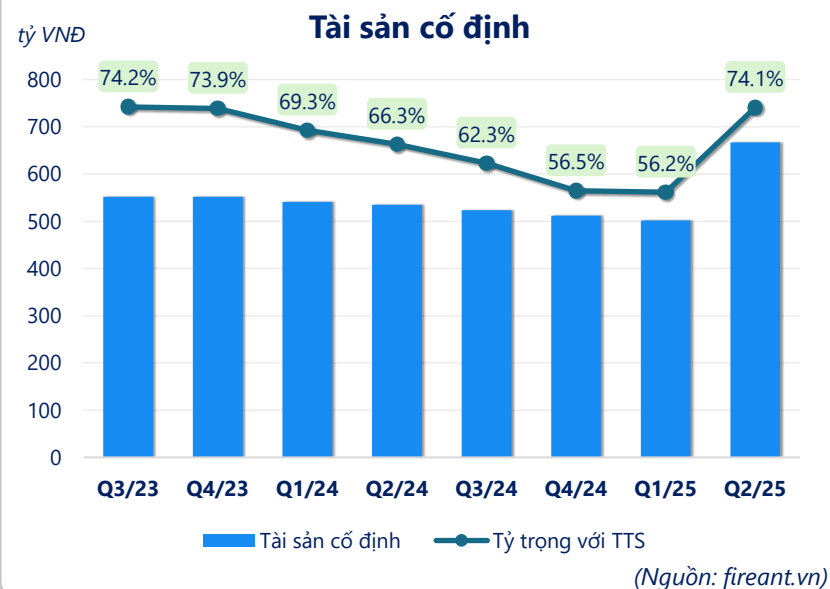
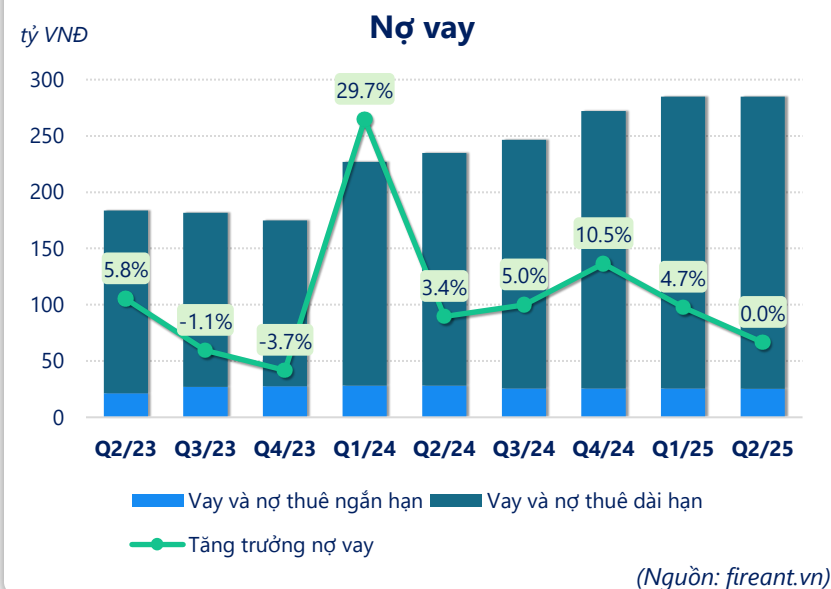
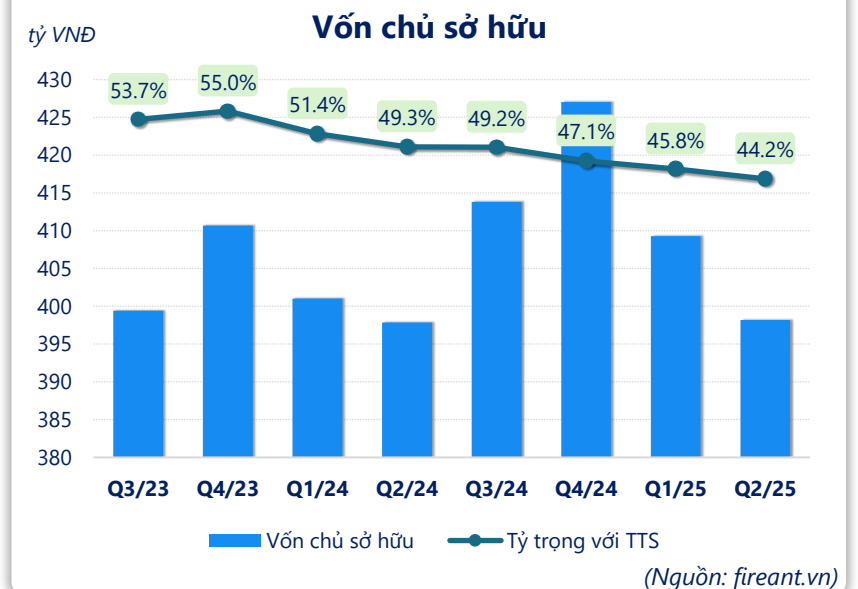
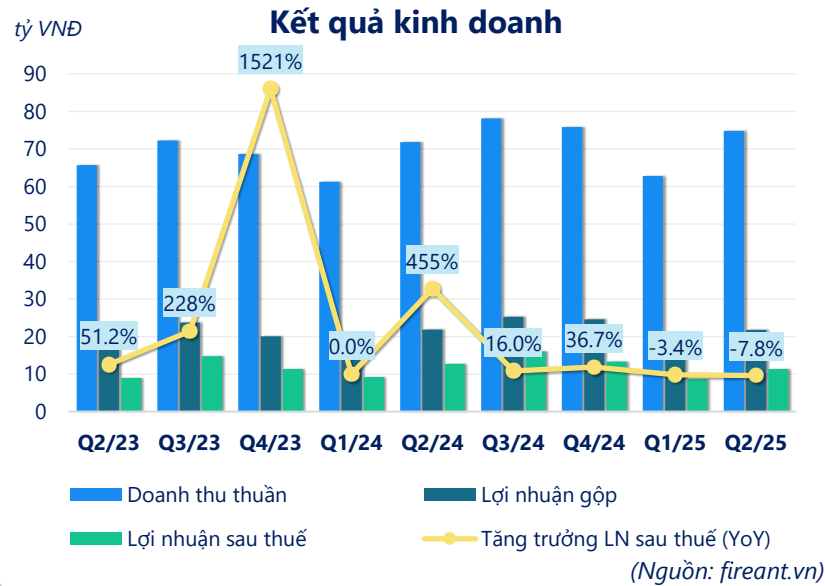
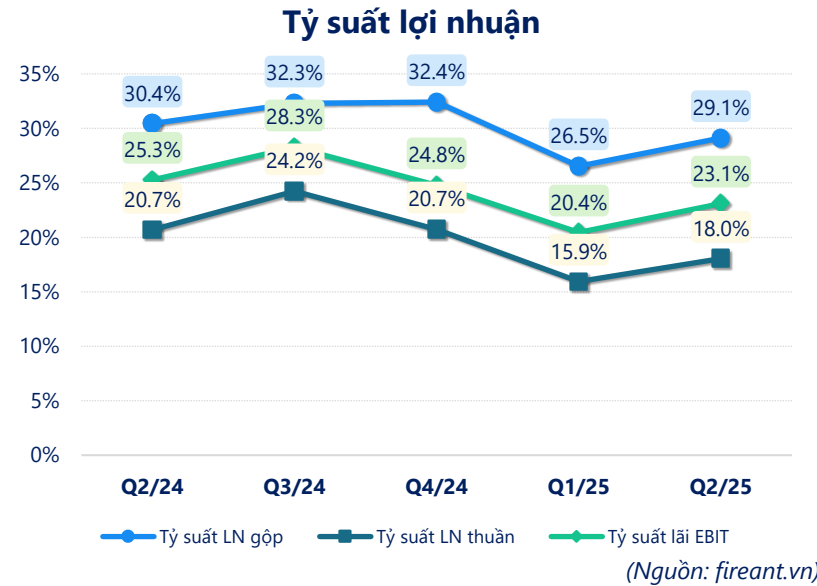
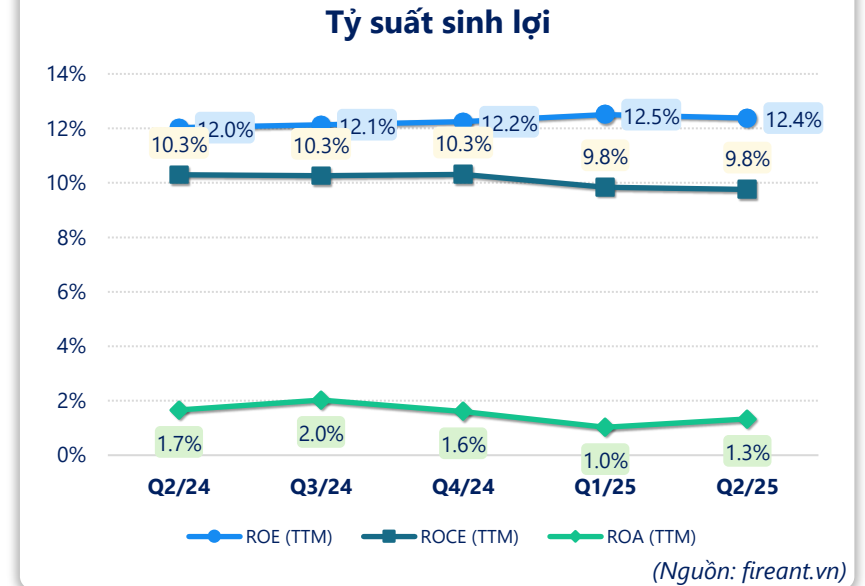
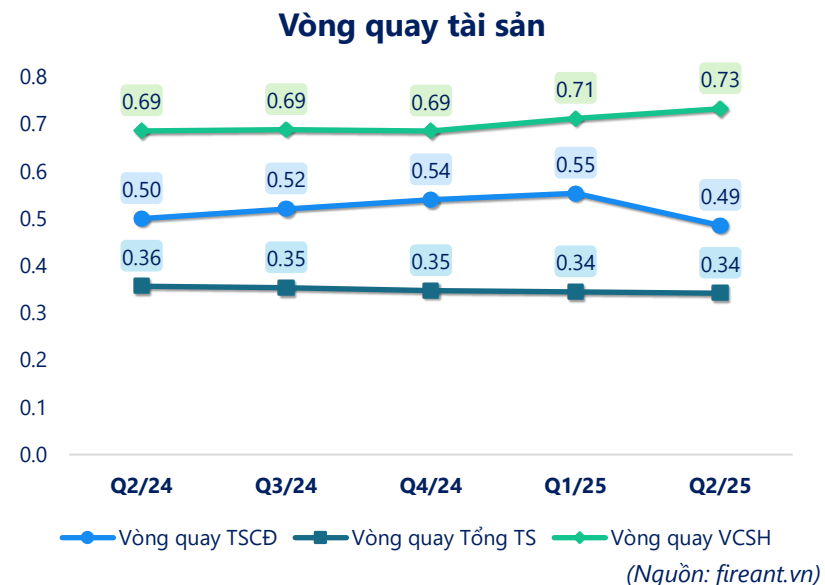
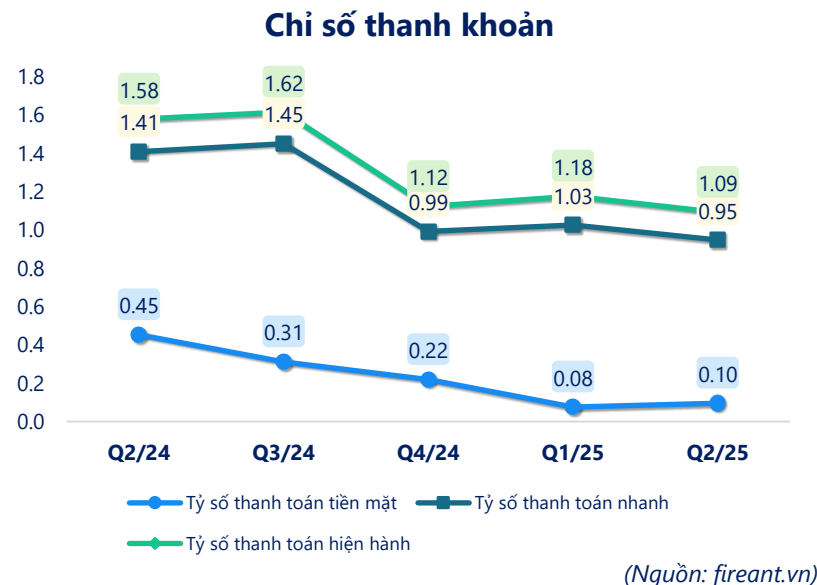
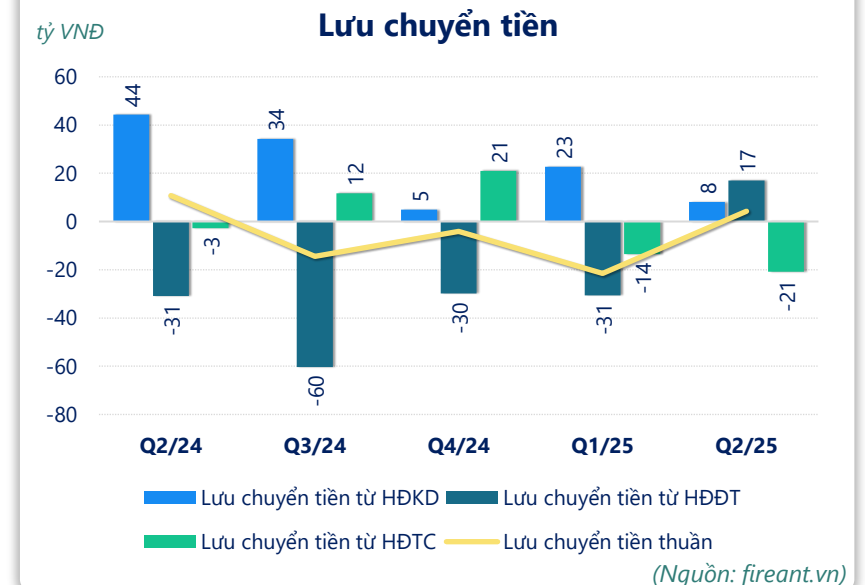


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		37,549,391
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		304
P/E		6.2
EPS		1,312

	YTD	1T	3T	6T
BNW	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	900	907	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	155	159	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	13.7	31.0	-55.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.2	76.3	-40.8%
Phải thu ngắn hạn	75.4	20.6	267%
Hàng tồn kho	20.5	18.3	12.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.73	12.8	-94.3%
Tài sản dài hạn	745	748	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	667	512	30.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	43.7	200	-78.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.3	14.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	19.7	21.2	-7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	480	4.6%
Nợ ngắn hạn	142	142	0.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.4	25.5	-0.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.2	40.0	-31.9%
Nợ dài hạn	360	338	6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	259	247	5.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	398	427	-6.8%
Vốn chủ sở hữu	398	427	-6.8%
Vốn điều lệ	375	375	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	71.8	78.1	75.9	62.7	74.8
Giá vốn hàng bán	49.9	52.9	51.3	46.1	53.0
Lợi nhuận gộp	21.9	25.2	24.6	16.6	21.8
Doanh thu HĐTC	0.76	0.87	0.73	0.69	0.44
Chi phí TC	3.02	2.88	2.79	2.63	3.74
Chi phí lãi vay	3.02	2.88	2.79	2.63	3.74
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.73	4.28	6.80	4.69	4.98
LN thuần từ HĐKD	14.9	18.9	15.7	10.0	13.5
Lợi nhuận khác	0.27	0.27	0.28	0.20	0.05
LN trước thuế	15.1	19.2	16.0	10.2	13.5
Lợi nhuận sau thuế	12.7	16.0	13.3	8.59	11.3
LNST của CĐ cty mẹ	12.7	16.0	13.3	8.59	11.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.4	34.3	4.88	22.7	8.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.9	-60.3	-29.9	-30.6	16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.72	11.7	21.0	-13.6	-20.9
Tiền đầu kỳ	38.7	49.4	35.0	31.0	9.46
Lưu chuyển tiền thuần	10.7	-14.4	-4.05	-21.5	4.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	49.4	35.0	31.0	9.46	13.7

(Nguồn: fireant.vn)